|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Thủ tục quy trình**  **QUY TRÌNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG** | Mã hoá: QT.NCKH.12.02 |
| *Ban hành lần: 01* |
| *Hiệu lực từ ngày:* |
| *Tổng số trang:* |

**BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **LẦN SỬA ĐỔI** | **TRANG** | **NỘI DUNG THAY ĐỔI** | **NGÀY SỬA ĐỔI** |
| 1 | 01 |  |  | 9/8/2019 |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người soạn thảo** | **Người kiểm tra** | **Người phê duyệt** |
| **CHU THỊ THÙY GIANG** | **GIA THỊ ĐỊNH** | **NGUYỄN .T. VIỆT HƯƠNG** |
|  |  |  |
| **Giangr viên phòng ĐT & NCKH** | **Trưởng phòng ĐT & NCKH** | **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **PHỤ TRÁCH TRƯỜNG** |

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG**

**1. Mục đích, yêu cầu:**

- Quy trình được xây dựng nhằm đảm bảo việc quản lý hoạt động NCKH và công nghệ đối với CBVC và HSSV được thực hiện chính xác, chặt chẽ.

- Mỗi phòng, khoa, cá nhân có liên quan đến Quy trình này được lấy làm căn cứ để phòng, khoa, cá nhân thực hiện nhiệm vụ được giao.

**-** Đề xuất, đăng ký và thực hiện các đề tài, dự án hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN), các cấp tại trường gọi tắt là đề tài;

**-** Đảm bảo tính khả thi và tính thực tế của đề tài;

- Đảm bảo về năng lực con người và thiết bị của đơn vị hoặc cá nhân đề xuất/đăng ký đề tài.

**2. Phạm vi áp dụng:**

Quy trình được sử dụng và quản lý trong phạm vị Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên; Phòng Đào tạo và Nghiên cứu khoa học, Các Phòng, Khoa chuyên môn trong toàn trường.

**II. ĐỊNH NGHĨA VÀ TỪ VIẾT TẮT**

**1. Định nghĩa:**

Quy trình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp trường là trình tự các bước cần thực hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp trường.

**2. Từ viết tắt:**

|  |  |
| --- | --- |
| BGH | : Ban Giám hiệu |
| ĐT&NCKH | : Đào tạo và Nghiên cứu khoa học |
| NCKH | : Nghiên cứu khoa học |
| HSSV | : Học sinh, sinh viên |
| KH$CN | : Khoa học và công nghệ |
| CBVC | : Cán bộ viên chức |
| HĐ | : Hội đồng |
|  |  |

**III. NỘI DUNG**

**1. Lưu đồ**



***2. Diễn giải:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên bước công việc** | **NỘI DUNG** | **Người chịu**  **trách nhiệm** | **Mẫu/tên hồ sơ** |
| **1. Lập kế hoạch triển khai** | - Phòng ĐT-NCKH lập kế hoạch triển khai nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học theo năm học. | Phòng Đào tạo & NCKH |  |
| **2. Chuẩn bị hồ sơ xét duyệt, tuyển chọn** | - Cá nhân, tổ chức lập phiếu đề xuất đề tài KH&CN và thuyết minh (Hướng dẫn đăng ký nghiên cứu khoa học theo biểu mẫu gửi phòng ĐT) | Cá nhân, tổ chức | ***Mẫu 1 - KHCN*** |
| **3. Tổng hợp** | - Lập danh mục tổng hợp các đề tài NCKH toàn trường trên cơ sở danh sách do các cá nhân, đơn vị gửi lên theo biểu mẫu trình Hiệu trưởng. | Phòng Đào tạo & NCKH |  |
| **4. Ra Quyết định thành lập Hội đồng xác định danh mục và tuyển chọn đề tài** | - Thường trực hội đồng NCKH đề xuất danh sách Hội đồng xác định danh mục và tuyển chọn đề tài đề nghị Phòng Tổ chức ra quyết định thành lập.  - Thường trực hội đồng khoa học công nghệ trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng xét duyệt và tuyển chọn đề tài khoa học và công nghệ cấp trường gồm: Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng, ủy viên thường trực, thư ký, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Thanh tra khảo thí và Trưởng (phó) Phòng, khoa, trung tâm có đăng ký thực hiện đề tài khoa học công nghệ. | Phòng Đào tạo & NCKH  Hiệu trưởng |  |
| **5. Xét duyệt, tuyển chọn và giao thực hiện** | 1. Thường trực hội đồng gửi hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài KHCN tới các thành viên hội đồng trước 1 tuần tính đến ngày họp.  2. Tổ chức họp xét duyệt, tuyển chọn đề tài khoa học và công nghệ cấp trường  3. Giao và ký hợp đồng thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp trường. | Hội đồng đồng xác định danh mục và tuyển chọn  Hội đồng KHCN  Thường trực hội đồng  Nhóm thành viên thực hiện đề tài | ***Mẫu 3 - KHCN***  ***Mẫu 4 - KHCN***  **Mẫu 5 - KHCN** |
| **6. Điều chỉnh, bổ sung thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ** | - Chủ nhiệm đề tài họp nhóm cán bộ thực hiện, phân công xây dựng Thuyết minh, tổng hợp theo mẫu và gửi về Phòng ĐT.  1. Khi cần điều chỉnh, bổ sung thuyết minh đề tài thì chủ nhiệm đề tài phải báo cáo với chủ tịch hội đồng bằng văn bản kèm theo Bổ sung thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ (Mẫu 6 - KHCN).  2. Việc điều chỉnh, bổ sung thuyết minh đề tài chỉ được xem xét phê duyệt khi:  a) Thời gian để triển khai thực hiện đề tài chưa quá 1/2 tổng thời gian thực hiện kể từ ngày ký hợp đồng thực hiện;  b) Chủ nhiệm đề tài ốm dài ngày, đi công tác dài hạn hoặc chuyển công tác;  c) Cần thay đổi nội dung, tiến độ, sản phẩm, kinh phí để đạt được mục tiêu nghiên cứu đã đề ra.  3. Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt bổ sung thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp trường trên cơ sở xem xét hồ sơ điều chỉnh, bổ sung thuyết minh đề tài. | Chủ nhiệm đề tài | ***(Mẫu 6 - KHCN)*** |
| **7. Báo cáo tiến độ thực hiện đề tài khoa học và công nghệ** | - 1. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài cho cơ quan chủ trì trước ngày 15 tháng 2 và ngày 15 tháng 5 hàng năm. (Mẫu 7 - KHCN).  2. Thường trực hội đồng nghiên cứu khoa học có trách nhiệm tổng hợp các báo cáo tình hình thực hiện các đề tài cho chủ tịch hội đồng trước ngày 20 tháng 2 và 20 tháng 5 hàng năm  3. Trường hợp đột xuất, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của chủ tịch hội đồng khoa học công nghệ. | Chủ nhiệm đề tài | ***Mẫu 7 - KHCN*** |
| **8. Kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài khoa học và công nghệ** | 1. Chủ tịch hội đồng khoa học tổ chức kiểm tra định kỳ vào Quý I và Quý II hoặc đột xuất việc thực hiện đề tài khoa học và công nghệ.  2. Trưởng các phòng, khoa, trung tâm có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thực hiện đề tài định kỳ 2 tháng 1 lần.  3. Nội dung kiểm tra gồm: tiến độ thực hiện, nội dung nghiên cứu, sản phẩm và việc sử dụng kinh phí của đề tài so với Thuyết minh đề tài.  4. Kết quả kiểm tra là căn cứ để Hội đồng khoa học và công nghệ, Hiệu trưởng nhà trường xem xét việc tiếp tục triển khai thực hiện, điều chỉnh bổ sung và thanh lý đề tài | Chủ tịch hội đồng khoa học  Trưởng các phòng, khoa, trung tâm | ***Mẫu 8 - KHCN*** |
| **9. Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu đề tài KHCN** | Sau khi hoàn thành nội dung nghiên cứu theo các nội dung thuyết minh và thời gian quy định, chủ nhiệm đề tài nộp cho thường trực hội đồng khoa học và công nghệ báo cáo tổng kết đề tài và các sản phẩm, tài liệu theo thuyết minh đề tài để tổ chức đánh giá, nghiệm thu.  Hồ sơ chủ nhiệm đề tài phải nộp trước khi đánh giá nghiệm thu gồm:  1. Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt đề tài và các sản phẩm, tài liệu theo Thuyết minh đề tài (kèm theo danh mục các sản phẩm);  2. Nội dung trang bìa chính và trang bìa phụ 3. Số lượng: 07 quyển Báo cáo tổng kết và tóm tắt báo cáo tổng kết; Thời gian nộp: trước ngày 05/6 hàng năm. | Chủ nhiệm đề tài  Phòng Đào tạo và NCKH | ***Mẫu 9 - KHCN***  ***Mẫu 10 - KHCN;***  ***Mẫu 11 - KHCN*** |
| **10. Đánh giá, nghiệm thu, Xếp loại và xử lý kết quả đánh giá đề tài KHCN** | 1. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập hội đồng KHCN đánh giá nghiệm thu đề tài đã triển khai. Hội đồng KHCN gồm 7 người: Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng, ủy viên thường trực, thư ký, các phản biện 1 và 2, Trưởng (phó) Phòng, khoa có đề tài nghiệm thu.  2. Hội đồng tiến hành họp khi có mặt từ 2/3 số thành viên trở lên, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch (trường hợp chủ tịch vắng mặt), có 2 phản biện và bản nhận xét đầy đủ.  3. Trình tự họp hội đồng gồm:  a) Thường trực hội đồng đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự.  b) Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp.  c) Thư ký hội đồng ghi Biên bản họp  d) Chủ nhiệm đề tài báo cáo kết quả thực hiện đề tài trước hội đồng.  đ) Các phản biện đọc nhận xét và nêu câu hỏi.  e) Các thành viên hội đồng và những người tham dự phát biểu ý kiến, nêu câu hỏi.  g) Chủ nhiệm đề tài khoa học và công nghệ trả lời câu hỏi.  h) Thảo luận, trao đổi chung.  i) Các thành viên hội đồng đánh giá độc lập thông qua Phiếu đánh giá nghiệm thu ***(***đối với từng nội dung.  k) Hội đồng họp riêng để đánh giá và thống nhất kết luận.  l) Chủ tịch hội đồng công bố kết quả đánh giá nghiệm thu đề tài.  4. Thời gian họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu trước ngày 15/6 hàng năm.  5. Thường trực Hội đồng trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận đề tài khoa học và công nghệ theo năm học.  6. Xếp loại đề tài khoa học và công nghệ  7. Xử lý kết quả đánh giá | Hội đồng KHCN | ***Mẫu 12 - KHCN***.  ***Mẫu 13 - KHCN***  ***Mẫu 14 - KHCN*** |
|  | Hội đồng |  |
| **11. Thanh lý đề tài khoa học và công nghệ** | - Phòng ĐT rà soát nội dung báo cáo tổng kết, nếu hoàn chỉnh, đề nghị lập HĐ tổ chức nghiệm thu;  - Chủ nhiệm ĐT, SK,SC,GP nộp các báo cáo về Phòng ĐT trước ngày hội đồng nghiệm thu 10 ngày. Nếu không nộp đúng thời hạn sẽ không đưa ra hội đồng nghiệm thu và hủy không nghiệm thu. | Nhóm tác giả đề tài | ***Mẫu 15 - KHCN***.  ***Mẫu 16 - KHCN***. |
| **12. Lưu trữ hồ sơ** | Phòng Đào tạo & NCKH lưu trữ hồ sơ | Phòng Đào tạo & NCKH |  |

**IV. BIỂU MẪU ÁP DỤNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **PL** | **Tên hồ sơ/Phụ lục (PL)** | **Mã số** | **Thời gian lưu trữ** | **Bộ phận lưu trữ** |
|
|  |  | Mẫu Phiếu đề xuất đề tài KH&CN (Hướng dẫn đăng ký, đề xuất đề tài) | BM.01-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu Thuyết minh đề tài KHCN | BM.02-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu phiếu đánh giá Thuyết minh đề tài KHCN | BM.03-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu Biên bản họp HĐ xét duyệt và tuyển chọn KHCN | BM.04-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu Hợp đồng nhiệm vụ khoa học | BM.05-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu Bổ sung thuyết minh | BM.06-QT.10/ĐT | 5 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu Báo cáo tình hình thực hiện | BM.07-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu Biên bản kiểm tra tiến độ | BM.08-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu quy định báo cáo | BM.09-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu báo cáo tổng kết | BM.10-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu báo cáo tóm tát | BM.11-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu nhận xét đề tài khoa học và công nghệ | BM.12-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu Biên bản Hội đồng nghiệm thu | BM.13-QT.10/ĐT | 5 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu Phiếu đánh giá nghiệm thu | BM.14-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu Biên bản bàn giao sản phẩm | BM.15-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |
|  |  | Mẫu Thanh lý hợp đồng | BM.16-QT.10/ĐT | 2 năm | Phòng ĐT |

**VI. Hồ sơlưu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên hồ sơ/Phụ lục (PL)** | **Thời gian lưu trữ** | **Bộ phận lưu trữ** |
|
|  | Mẫu Phiếu đề xuất đề tài KH&CN (Hướng dẫn đăng ký, đề xuất đề tài) | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu Thuyết minh đề tài KHCN | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu phiếu đánh giá Thuyết minh đề tài KHCN | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu Biên bản họp HĐ xét duyệt và tuyển chọn KHCN | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu Hợp đồng nhiệm vụ khoa học | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu Bổ sung thuyết minh | 5 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu Báo cáo tình hình thực hiện | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu Biên bản kiểm tra tiến độ | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu quy định báo cáo | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu báo cáo tổng kết | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu báo cáo tóm tát | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu nhận xét đề tài khoa học và công nghệ | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu Biên bản Hội đồng nghiệm thu | 5 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu Phiếu đánh giá nghiệm thu | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu Biên bản bàn giao sản phẩm | 2 năm | Phòng ĐT |
|  | Mẫu Thanh lý hợp đồng | 2 năm | Phòng ĐT |

***Mẫu 1 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thái Nguyên , ngày tháng năm 20* |

**PHIẾU ĐỀ XUẤT**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

**1. Tên đề tài khoa học và công nghệ:**

**2. Lĩnh vực nghiên cứu:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tự nhiên |  | Kỹ thuật |  | Môi trường |  |
| Kinh tế; XH-NV |  | Nông Lâm |  | ATLĐ |  |
| Giáo dục |  | Y Dược |  | Sở hữu  trí tuệ |  |

**3. Tính cấp thiết:**

**4. Mục tiêu:**

**5. Nội dung chính:**

**6. Sản phẩm và kết quả dự kiến:**

6.1. Sản phẩm khoa học:

* + Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài:
  + Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước:
  + Số lượng sách xuất bản:

6.2. Sản phẩm đào tạo: Số lượng tiến sĩ, số lượng thạc sĩ.

6.3. Sản phẩm ứng dụng: Mô tả tóm tắt về sản phẩm dự kiến, phạm vi, khả năng và địa chỉ ứng dụng,...

6.4. Các sản phẩm khác:

**7. Hiệu quả dự kiến:**

**8. Nhu cầu kinh phí dự kiến:**

**9 Thời gian nghiên cứu dự kiến:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác nhận của Trưởng Phòng/ Khoa/Trung tâm** |  | **Cá nhân/tổ chức đăng ký** |
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* |  | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Mẫu 2 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI**

**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. ĐỀ TÀI** | | | | | | | | | | | | | | **2. MÃ SỐ** | | | | | | |
| **3. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tự nhiên |  | Kỹ thuật |  | Môi trường |  | | Kinh tế; XH-NV |  | Nông Lâm |  | ATLĐ |  | | Giáo dục |  | Y Dược |  | Sở hữu  trí tuệ |  | | | | | | | | | | | | | | | **4. LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Cơ  bản | | | Ứng  dụng | | | Triển  ha | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | | | | | | |
| **5. THỜI GIAN THỰC HIỆN** ......... **tháng**  Từ tháng … năm ... đến tháng … năm ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **6. ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI**  Tên đơn vị:  Điện thoại:  E-mail:  Địa chỉ:  Họ và tên thủ trưởng đơn vị chủ trì: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **7. CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  Họ và tên:  Chức danh khoa học:  Địa chỉ đơn vị:  Điện thoại đơn vị:  Di động:  E-mail: | | | | | | | Học vị:  Năm sinh:  Địa chỉ nhà riêng:  Điện thoại nhà riêng :  Fax: | | | | | | | | | | | | | |
| **8. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | | Họ và tên | Đơn vị công tác và  lĩnh vực chuyên môn | | | | | Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao | | | | | | | | | | Chữ ký | |
| 1  2  3 | | |  |  | | | | |  | | | | | | | | | |  | |
| **9. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tên đơn vị  trong và ngoài nước | | | | Nội dung phối hợp nghiên cứu | | | | | | | | | | | | Họ và tên người đại diện đơn vị | | | | |
|  | | | |  | | | | | | | | | | | |  | | | | |
| **10. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦASÁNG KIẾN, SÁNG CHẾ ĐỀ TÀI Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC**  10.1. Ngoài nước *(phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài trên thế giới, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)*  10.2. Trong nước *(phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài ở Việt Nam, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)*  10.3. Danh mục các công trình đã công bố thuộc lĩnh vực của sáng kiến, sáng chế,đề tài của chủ nhiệm và những thành viên tham gia nghiên cứu (*họ và tên tác giả; bài báo; ấn phẩm; các yếu tố về xuất bản*) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **11. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **12. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **13. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU**  13.1. Đối tượng nghiên cứu  13.2. Phạm vi nghiên cứu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **14. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**  14.1. Cách tiếp cận  14.2. Phương pháp nghiên cứu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **15. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**  15.1. Nội dung nghiên cứu (***trình bày dưới dạng đề cương nghiên cứu chi tiết***)  15.2. Tiến độ thực hiện | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| STT | | Các nội dung, công việc  thực hiện | | | Sản phẩm | | | | | | | Thời gian  (bắt đầu-kết thúc) | | | | | | Người thực hiện | | |
| 1  2  3 | |  | | |  | | | | | | |  | | | | | |  | | |
| **16. SẢN PHẨM**   * 1. Sản phẩm khoa học   Sách chuyên khảo Bài báo đăng tạp chí nước ngoài  Sách tham khảo Bài đăng kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế  Giáo trình Bài báo đăng tạp chí trong nước   * 1. Sản phẩm đào tạo   Nghiên cứu sinh Cao học Đại học Cao đẳng Hệ khác   * 1. Sản phẩm ứng dụng  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Mẫu |  | Vật liệu |  | Thiết bị máy móc |  | | Giống cây trồng |  | Giống vật nuôi |  | Qui trình công nghệ |  | | Tiêu chuẩn |  | Qui phạm |  | Sơ đồ, bản hiếtkế |  | | Tài liệu dự báo |  | Đề án |  | Luận chứng kinh tế |  | | Phương pháp |  | Chương trình máy tính |  | Bản kiến nghị |  | | Dây chuyền công nghệ |  | Bo cáo phân tch |  | Bản quy hoạch |  |  * 1. Các sản phẩm khác   2. Tên sản phẩm, số lượng và yêu cầu khoa học đối với sản phẩm | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Stt | | Tên sản phẩm | | | | Số lượng | | | | | Yêu cầu khoa học | | | | | | | | | |
| 1  2  3 | |  | | | |  | | | | |  | | | | | | | | | |
| **17. HIỆU QUẢ** (giáo dục và đào tạo, kinh tế - xã hội)  **18. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **19. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**  **Tổng kinh phí:**  Trong đó:  Ngân sách Nhà nước: Các nguồn kinh phí khác:  Nhu cầu kinh phí từng thời gian   * Từ tháng ... đến tháng * Từ tháng ... đến tháng   Dự trù kinh phí theo các mục chi *(phù hợp với nội dung nghiên cứu): Đơn vị tính: đồng* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Stt** | **Khoản chi, nội dung chi** | | | | | | | **Thời gian thực hiện** | | **Thành tiền( triệu đồng)** | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | **Các nguồn khác** | | | **Ghi chú** |
| **Tổng số** | | | **Khoán** | | **Không khoán** | |
| **I** | **Chi công lao động tham gia trực tiếp thực hiện đề tài** | | | | | | |  | |  | | |  | |  | |  | | |  |
|  | Chi công lao động của cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp tham gia thực hiện đề tài:  - Thực hiện theo quyết định số 02/QĐ-CĐCN ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên, giảng viên. | | | | | | |  | |  | | |  | |  | |  | | |  |
| **II** | **Chi mua nguyên nhiên vật liệu** | | | | | | |  | |  | | |  | |  | |  | | |  |
|  | Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, tài liệu,  (theo hóa đơn tài chính) | | | | | | |  | |  | | |  | |  | |  | | |  |
| **III** | **Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định** | | | | | | |  | |  | | |  | |  | |  | | |  |
| **IV** | **Chi khác** | | | | | | |  | |  | | |  | |  | |  | | |  |
|  | Công tác phí (nếu có) | | | | | | |  | |  | | |  | |  | |  | | |  |
|  | **Tổng cộng** | | | | | | |  | |  | | |  | |  | |  | | |  |

*Thái Nguyên , ngày tháng năm 20*

|  |  |
| --- | --- |
| Xác nhận của cơ quan chủ trì  *( Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | Chủ nhiệm đề tài khoa học và công nghệ  *( Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Mẫu 3 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thái nguyên, ngày tháng năm 20* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

1. Họ và tên thành viên hội đồng:

2.Tên đề tài khoa học và công nghệ:……………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

3. Chủ nhiệm đề tài: ……………………………………………………………………………….

4. Quyết định thành lập hội đồng số: /QĐ-CĐCN ngày tháng năm 20

5. Cơ quan chủ trì: Trường CĐCN Thái Nguyên

6. Ngày họp:

7. Địa điểm:

8. Đánh giá của thành viên hội đồng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá** | **Điểm tối thiểu** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| 1 | Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài KHCN | 3 | 10 |  |
| 2 | Tính cấp thiết của đề tài KHCN | 6 | 10 |  |
| 3 | Mục tiêu đề tài KHCN | 7 | 10 |  |
| 4 | Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu | 3 | 5 |  |
| 5 | Nội dung nghiên cứu và tiến độ thực hiện | 10 | 20 |  |
| 6 | Sản phẩm của đề tài | 12 | 18 |  |
| *Sản phẩm khoa học (sách chuyên khảo, bài báo, sách, giáo trình,...)* |  | *5* |  |
| *Sản phẩm đào tạo (hướng dẫn SV, cao đẳng, trung cấp )* |  | *3* |  |
| *Đào tạo (Cao đẳng, trung cấp)* |  | *5* |  |
| *Sản phẩm ứng dụng,...* |  | *5* |  |
| 7 | Hiệu quả, phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và khả năng ứng dụng | 5 | 10 |  |
| 8 | Kinh nghiệm nghiên cứu, những thành tích nổi bật và năng lực quản lý của chủ nhiệm đề tài và những người tham gia thực hiện đề tài KHCN | 3 | 5 |  |
| 9 | Tiềm lực của cơ quan chủ trì đề tài KHCN | 3 | 5 |  |
| 10 | Tính hợp lý của dự toán kinh phí đề nghị | 3 | 7 |  |
|  | **Cộng** | **55** | **100** |  |

*Ghi chú*:  **Phê duyệt: ≥ 55 điểm (trong đó, không có tiêu chí nào dưới mức điểm tổi thiểu);**

**Không phê duyệt: < 55 điểm**

9. Ý kiến khác:

**Ủy viên hội đồng**

*(ký, ghi rõ họ tên)*

***Mẫu 4 – KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*Thái nguyên, ngày tháng năm*

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT**

**VÀ TUYỂN CHỌN ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

1. Tên đề tài khoa học và công nghệ: ……………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………….

2. Chủ nhiệm đề tài:……………………………………………………………………….

3. Cơ quan chủ trì đề tài:………………………………………………………………….

4. Quyết định thành lập hội đồng số /QĐ-BGDĐT ngày tháng năm 20

5. Ngày họp:……………………………………………………………………..

6. Địa điểm:……………………………………………………………………

7. Thành viên của hội đồng: Tổng số: có mặt: vắng mặt:

8. Khách mời dự:

9. Tổng số phiếu chấm điểm: trong đó: - hợp lệ: - không hợp lệ:

10. Tổng số điểm:

11. Điểm trung bình :

12. Kết luận và kiến nghị của hội đồng:

**Ghi chú: -** Phê duyệt: ≥ 55 điểm (trong đó, không có tiêu chí nào dưới mức điểm tổi thiểu);

Không phê duyệt: < 55 điểm.

- Điểm của thành viên hội đồng chênh lệch >20 điểm so với điểm trung bình coi là điểm không hợp lệ và không được tính vào tổng số điểm hợp lệ.

**Chủ tịch hội đồng Thư ký**

*(ký, họ tên) (ký, họ tên)*

***Mẫu 5 – KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP**  **THÁI NGUYÊN**  Số: /HĐ-CĐCN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *Thái Nguyên, ngày tháng năm 2019* |

**HỢP ĐỒNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

Căn cứ Quyết định số 5618/QĐ-BGD&ĐT ngày 09 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-BCN ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 quy định về việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2016/TT-BCT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 quy định về việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương.

Căn cứ Quyết định số QĐ-CĐCN ngày tháng năm 201 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên về việc triển khai thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp trường năm học 201 - 201 ;

Chúng tôi gồm:

**1. Bên giao nhiệm vụ triển khai đề tài KHCN (dưới đây gọi là Bên A)**

|  |  |
| --- | --- |
| Đại diện là ông (bà): |  |
| Chức vụ: |  |
| Địa chỉ: | Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên. |
| Điện thoại: | 02083.844142 |
| Số tài khoản: | **9523.1.1054174; 3714.0.1054174.00000**  Tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên |

**2. Bên được triển khai thực hiện đề tài KHCN (dưới đây gọi là Bên B)**

|  |  |
| --- | --- |
| Đại diện là ông: |  |
| Chức vụ: |  |
| Địa chỉ: |  |
| Điện thoại: |  |
| Số tài khoản: |  |

Cùng thoả thuận và thống nhất ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các nội dung như sau:

**Điều 1. Trách nhiệm và quyền của Bên A**

1. Thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu và tổ chức kiểm tra tình hình bên B thực hiện Hợp đồng theo các nội dung, tiến độ nêu trong Thuyết minh đề tài.

2. Chuyển cho bên B số kinh phí thực hiện Hợp đồng nêu tại Điều 2 theo quy định hiện hành về cấp phát kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

3. Tổ chức kiểm tra giữa kỳ và đánh giá nghiệm thu cấp Trường kết quả thực hiện đề tài và thanh lý Hợp đồng với Bên B theo các quy định hiện hành.

4. Kịp thời xem xét, giải quyết các kiến nghị của bên B khi có phát sinh.

5. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thu hồi kinh phí đã cấp theo quy định trong các trường hợp sau:

- Bên B không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng hoặc cố tình dây dưa không thực hiện Hợp đồng và không báo cáo khi được bên A yêu cầu.

- Thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu nêu trong Thuyết minh và Hợp đồng; sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

**Điều 2. Trách nhiệm và quyền của bên B**

1. Bên B cam kết thực hiện đề tài: “**........................**”, mã số: <ĐT > theo các yêu cầu về nội dung, tiến độ thực hiện và dự toán kinh phí được nêu trong Thuyết minh đề tài đã được duyệt.

2. Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng; gửi báo cáo giữa kỳ và báo cáo đột xuất và các mẫu biểu tại Quy định quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp trường của Hiệu trưởng trường cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên.

3. Hoàn thành các thủ tục nghiệm thu cấp trường, thanh quyết toán tài chính theo tiến độ và nộp Báo cáo tổng kết sáng kiến, đĩa CD về phòng Đào tạo, nghiên cứu khoa học và Hợp tác Quốc tế theo quy định.

4. Báo cáo kịp thời với bên A các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện sáng kiến và đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cần thiết để bên A xem xét, giải quyết.

**Điều 3. Kinh phí và thời gian thực hiện hợp đồng**

1. Kinh phí cấp từ Ngân sách Nhà nước để thực hiện Hợp đồng là: đ *(Bằng chữ:......)*

2. Tổng giờ nghiên cứu đề tài: 300 giờ/1 đề tài (*Theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên của Hiệu trưởng trường cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên năm 2018)*

3. Thời gian thực hiện hợp đồng là: tháng; từ tháng năm 20 đến ngày tháng năm 20 .

**Điều 4. Điều chỉnh, bổ sung nội dung Hợp đồng**

Trong trường hợp kiến nghị liên quan đến đề tài của bên B được bên A xem xét, giải quyết thì văn bản trả lời/chấp thuận của bên A sẽ là bộ phận của Hợp đồng làm căn cứ xem xét khi nghiệm thu đề tài.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu có yêu cầu cần thay đổi, hoặc có vi phạm Hợp đồng, hai bên sẽ thoả thuận để giải quyết.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 04 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện Bên A**  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN**  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)* | **Đại diện Bên B**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Mẫu 6 – KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BỔ SUNG THUYẾT MINH**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

1. Tên đề tài:

2. Mã số:

3. Họ và tên chủ nhiệm đề tài:

4. Cơ quan chủ trì:

5. Thay đổi về tên đề tài *(giải trình lý do và nội dung thay đổi)*:

6. Thay đổi về nội dung và kết quả nghiên cứu *(giải trình lý do và nội dung thay đổi)*:

7. Thay đổi về chủ nhiệm đề tài *(giải trình lý do và nội dung thay đổi)*:

8. Thay đổi về tiến độ, thời gian nghiên cứu *(giải trình lý do và nội dung thay đổi)*:

9. Thay đổi về kinh phí *(giải trình lý do và nội dung thay đổi)*:

*Ghi chú: Đối với các mục 5,6,7 và 8, bổ sung nội dung nào thì chỉ ghi nội dung đó.*

*Thái Nguyên, ngày tháng năm 20*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  *(ký, họ và tên )* |  | **Chủ nhiệm đề tài**  *(ký, họ và tên)* |

***Mẫu 7 – KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO TIẾN ĐỘ**

**THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

**I. Thông tin chung:**

1. Tên đề tài:

2. Mã số:

3. Chủ nhiệm:

4. Thời gian thực hiện: từ tháng /20 đến tháng /20

5. Tổng kinh phí:

**II. Đánh giá tiến độ thực hiện đề tài:**

1. Nội dung nghiên cứu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung nghiên cứu  theo Thuyết minh đề tài | Nội dung nghiên cứu  đã thực hiện | Tự đánh giá |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

2. Sản phẩm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Sản phẩm theo  Thuyết minh đề tài | Sản phẩm đã đạt được | Tự đánh giá |
|  | Sản phẩm khoa học |  |  |
|  | Sản phẩm đào tạo |  |  |
|  | Sản phẩm ứng dụng |  |  |
|  | Sản phẩm khác |  |  |

3. Kinh phí đề tài:

3.1. Kinh phí được cấp:

3.2. Kinh phí đã chi *(Giải trình các khoản chi)*:

3.3. Kinh phí đã quyết toán:

3.4. Tự đánh giá:

**III. Kế hoạch triển khai tiếp theo:**

1. Nội dung nghiên cứu:

2. Dự kiến kết quả:

3. Kinh phí:

**IV. Kiến nghị:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  *(ký, họ và tên )* |  | **Chủ nhiệm đề tài**  *(ký, họ và tên)* |

***Mẫu 8 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

1. Tên đề tài khoa học và công nghệ:
2. Mã số:
3. Thời gian thực hiện:
4. Tổng kinh phí:
5. Chủ nhiệm đề tài khoa học và công nghệ:
6. Cơ quan chủ trì:
7. Họ và tên, chức trách thành viên đoàn kiểm tra:
8. Các nội dung nghiên cứu đã thực hiện:
9. Các kết quả nghiên cứu đã đạt được:
10. Các sản phẩm đã hoàn thành:
11. Tình hình sử dụng kinh phí:
12. Kiến nghị của chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì:
13. Đánh giá chung về tiến độ thực đề tài:
14. Kết luận của đoàn kiểm tra:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hiệu trưởng**  *(ký, họ tên, đóng dấu)* | **Chủ nhiệm đề tài**  *(ký, họ tên)* | **TM Đoàn kiểm tra Trưởng đoàn**  *(ký, họ tên)* |

***Mẫu 9 - KHCN***

**BÁO CÁO TỔNG KẾT VÀ BÁO CÁO TÓM TẮT**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

1. Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt đề tài khoa học và công nghệ cấp trường là cơ sở để hội đồng đánh giá kết quả nghiên cứu của đề tài. Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt đề tài phải phản ánh đầy đủ nội dung, kết quả thực hiện đề tài. Các báo cáo phải đóng thành quyển.
2. Hình thức của báo cáo tổng kết sáng kiến, sáng chế, đề tài:
   1. Báo cáo tổng kết đề tài khoa học và công nghệ cấp trường được in trên khổ giấy A4;
   2. Số trang của báo cáo tổng kết đề tài từ 50 trang đến 80 trang (không tính mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục), font chữ Time New Roman, cỡ chữ 13, paragraph 1,3 - 1,5 line; báo cáo tóm tắt đề tài không quá 15 trang, font chữ Time New Roman, cỡ chữ 11-12, paragraph 1,1 - 1,3 line.
3. Cấu trúc báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt đề tài khoa học và công nghệ cấp trường:
   1. Báo cáo tổng kết đề tài được trình bày theo trình tự sau:
4. Trang bìa ngoài cùng (Mẫu 10);
5. Trang bìa phụ (Mẫu 11);
6. Danh sách những thành viên tham gia nghiên cứu đề tài và đơn vị phối hợp chính;
7. Mục lục;
8. Danh mục bảng biểu, hình vẽ;
9. Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt;
10. Mở đầu: Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài ở trong và ngoài nước; tính cấp thiết; mục tiêu; cách tiếp cận; phương pháp nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, nội dung nghiên cứu.
11. Chương 1, 2, 3,..: Các kết quả nghiên cứu đạt được *(Các kết quả nghiên cứu đạt được và đánh giá về các kết quả này, bao gồm tính chính xác và tin cậy của kết quả, ý nghĩa của các kết quả).*
12. Kết luận và kiến nghị: Kết luận về các nội dung nghiên cứu đã thực hiện và kiến nghị về các lĩnh vực nên ứng dụng hay sử dụng kết quả nghiên cứu; những định hướng nghiên cứu trong tương lai.
13. Tài liệu tham khảo (tên tác giả được xếp theo thứ tự abc);
14. Phụ lục đính kèm;

3.2. Báo cáo tóm tắt đề tài được trình bày theo trình tự từ 1 đến 10 tại mục 3.1

***Mẫu 10 - KHCN***

# BỘ CÔNG THƯƠNG

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

**<TÊN ĐỀ TÀI>**

**Mã số: <Mã số đề tài>**

**Chủ nhiệm đề tài: <Chức danh khoa học, học vị, họ tên của chủ nhiệm đề tài>**

**Thái nguyên, tháng năm 20**

***Mẫu 11 - KHCN***

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

**<TÊN ĐỀ TÀI>**

**Mã số: <Mã số đề tài>**

**Xác nhận của cơ quan chủ trì đề tài Chủ nhiệm đề tài**

*(ký, họ tên, đóng dấu) (ký, họ tên)*

**Thái nguyên, tháng năm 20**

***Mẫu 12 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘng hoà xã hỘi chỦ nghĨA viỆt nam**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHẬN XÉT ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Dùng cho người phản biện)*

Họ và tên người phản biện:

Học hàm:……………………………Học vị: ……………………………………...

Chuyên ngành:

Cơ quan công tác:

Họ và tên chủ nhiệm đề tài KHCN:

Tên đề tài KHCN:

Mã số đề tài:

## 1. Tính cấp thiết của đề tài khoa học và công nghệ:

## 2. Đóng góp khoa học

## 3. Ý nghĩa thực tiễn

## 4. Kết quả đạt được so với yêu cầu đặt ra

## 5. Những nhận xét khác

**6. Đánh giá chung :**

*Thái Nguyên, ngày tháng năm 20…*

**Người phản biện**

***Mẫu 13 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

1. Tên đề tài, mã số:
2. Chủ nhiệm đề tài:
3. Cơ quan chủ trì đề tài:
4. Quyết định thành lập hội đồng:
5. Ngày họp:
6. Địa điểm:
7. Thành viên của hội đồng: Tổng số: có mặt: vắng mặt:
8. Khách mời dự:
9. Tổng số phiếu chấm điểm: trong đó: - hợp lệ: - không hợp lệ:
10. Tổng số điểm :
11. Điểm trung bình:
12. Kết luận và kiến nghị của hội đồng:

* *Các giá trị khoa học và ứng dụng:*

\* Giá trị khoa học:

\* Giá trị ứng dụng:

* *Hiệu quả nghiên cứu:*

\* Về giáo dục và đào tạo:

\* Về kinh tế - xã hội:

\* Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và địa chỉ ứng dụng:

* *Các nội dung cần sửa chữa, bổ sung, hoàn chỉnh:*
* *Kiến nghị về khả năng áp dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu, địa chỉ ứng dụng:*
* *Kiến nghị về khả năng phát triển của đề tài:*

1. Xếp loại:

**Ghi chú:**

* Xếp loại (theo điểm trung bình cuối cùng): Xuất sắc: 95-100 điểm; Tốt: 85-94 điểm; Khá: 70-84 điểm; Đạt: 50-69 điểm; Không đạt: < 50 điểm
* Điểm của thành viên hội đồng chênh lệch >20 điểm so với điểm trung bình ban đầu coi là điểm không hợp lệ và không được tính vào tổng số điểm hợp lệ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA**  **HIỆU TRƯỞNG** | **Chủ tịch hội đồng**  *(ký, họ tên)* | **Thư ký**  *(ký, họ tên)* |

***Mẫu 14 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

1. Họ tên thành viên hội đồng:

2. Cơ quan công tác và địa chỉ liên hệ:

3. Tên đề tài, mã số:

4. Chủ nhiệm đề tài:

5. Cơ quan chủ trì: 6. Ngày họp:

7. Quyết định thành lập hội đồng (số, ngày, tháng, năm):

8. Đánh giá của thành viên hội đồng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung đánh giá** | **Điểm**  **tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| **1** | **Mức độ hoàn thành so với đăng ký trong thuyết minh đề tài KHCN** | **50** |  |
| Mục tiêu | 15 |  |
| Nội dung | 15 |  |
| Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu | 5 |  |
| Sản phẩm khoa học *(sách chuyên khảo, bài báo khoa học, giáo trình,...)* | 5 |  |
| Sản phẩm đào tạo (*hướng dẫn SV cao đẳng, trung cấp)* | 5 |  |
| Sản phẩm ứng dụng *(mẫu, vật liệu, thiết bị máy móc, qui trình công nghệ, tiêu chuẩn, quy phạm, sơ đồ, bản thiết kế, tài liệu dự báo, đề án, phương pháp, chương trình máy tính, bản kiến nghị, dây chuyền công nghệ, báo cáo phân tích)* | 5 |  |
| **2** | **Giá trị khoa học và ứng dụng của kết quả nghiên cứu đề tài KHCN** | **10** |  |
| Giá trị khoa học *(khái niệm mới, phạm trù mới, phát hiện mới, giải pháp mới, công nghệ mới, vật liệu mới, sản phẩm mới)* | 5 |  |
| Giá trị ứng dụng *(khai thác và triển khai ứng dụng công nghệ mới; qui trình mới; vật liệu, chế phẩm, ...)* | 5 |  |
| **3** | **Hiệu quả nghiên cứu đề tài KHCN** | **25** |  |
| Về giáo dục và đào tạo *(đem lại: tri thức mới trong nội dung bài giảng, nội dung mới trong chương trình đào tạo; công cụ, phương tiện mới trong giảng dạy, nâng cao năng lực nghiên cứu của những người tham gia, bổ sung trang thiết bị thí nghiệm, sách tham khảo,...)* | 10 |  |
| Về kinh tế - xã hội *(việc ứng dụng kết quả nghiên cứu tạo ra hiệu quả kinh tế, thay đổi công nghệ, bảo vệ môi trường, giải quyết những vấn đề xã hội,...)* | 10 |  |
| Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và địa chỉ ứng dụng | 5 |  |
| **4** | **Các kết quả vượt trội** *(điểm thưởng)* | **10** |  |
|  | Có đào tạo Cao đẳng*, trung cấp)* | 5 |  |
|  | Có bài báo khoa học đăng trên tạp chí công nghiệp, ngành | 5 |  |
| **5** | **Chất lượng báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt đề tài KHCN**  *(Nội dung; hình thức; cấu trúc và phương pháp trình bày, …).* | **5** |  |
|  | **Cộng** | **100** |  |

*Ghi chú*: Xếp loại (theo điểm trung bình cuối cùng): Xuất sắc: 80-100 điểm; Đạt: 50-79 điểm;

Không đạt: < 50 điểm

10.Ý kiến và kiến nghị khác:

Ngày tháng năm 20

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

***Mẫu 15 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN BÀN GIAO SẢN PHẨM**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

- Căn cứ Hợp đồng số /HĐ-CĐCN ký ngày tháng năm 20 giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên và chủ nhiệm đề tài khoa học và công nghệ cấp trường năm học 20 - 20

- Căn cứ kết luận của chủ tịch hội đồng đánh giá và nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp trường năm học 20 - 20 , Biên bản nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ.

- Hôm nay, ngày tháng năm 20 tại ...........................................................................

................................................................................... chúng tôi gồm:

**1. Bên bàn giao sản phẩm đề tài khoa học và công nghệ.**

Đại diện: Ông(bà): ...........................................................Chức vụ: Chủ nhiệm đề tài

Tên đề tài: ....................................................

Mã số đề tài: .................................................

**2. Bên nhận sản phẩm đề tài khoa học và công nghệ.**

Đại diện: Ông(bà): ................................................................

Chức vụ: Trưởng(phó) phòng Quản trị vật tư.

**3. Nội dung.**

Hai bên tiến hành bàn giao và nhận danh mục thiết bị thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp trường năm học 20 - 20 , danh mục vật tư thiết bị theo hóa đơn mua hàng đúng thủ tục tài chính. (*Có bảng kê danh mục vật tư thiết bị kèm theo*)

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản làm căn cứ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BÊN NHẬN BÀN GIAO**  *(Ký, ghi rõ họ, tên)* |  | **BÊN BÀN GIAO**  *(Ký, ghi rõ họ, tên)* |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DANH MỤC VẬT TƯ, THIẾT BỊ**

*( Kèm theo biên bản bàn giao sản phẩm đề tài KH&CN cấp trường)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên thiết bị, tật tư** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
| ....... |  |  |  |
| ...... |  |  |  |
| ...... |  |  |  |
| **n** |  |  |  |

*Thái nguyên, ngày tháng năm 20*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BÊN NHẬN BÀN GIAO**  *(Ký, ghi rõ họ, tên)* |  | **BÊN BÀN GIAO**  *(Ký, ghi rõ họ, tên)* |

***Mẫu 16 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Biên bản thanh lý hợp đồng**

Căn cứ Quyết định số 5618/QĐ-BGD&ĐT ngày 09 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ - BCT ngày 19/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên

Căn cứ Hợp đồng triển khai đề tài khoa học và công nghệ cấp trường số: */HĐ-CĐCN, ngày tháng năm 20 của Trường CĐCN - Thái Nguyên*; Mã số:

Căn cứ Thuyết minh sáng kiến khoa học và Công nghệ cấp trường đã được duyệt và Biên bản được nghiệm thu ngày tháng năm 20 của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu,

*Hôm nay, ngày tháng năm 20 , chúng tôi gồm:*

1. **Bên giao nhiệm vụ triển khai sáng kiến (dưới đây gọi là Bên A)**

|  |  |
| --- | --- |
| Đại diện là ông (bà): |  |
| Chức vụ: |  |
| Địa chỉ: | Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên. |
| Điện thoại: | 02083.844142 |
| Số tài khoản: | 9523.1.1054184; 3714.0.1054184.00000 Tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên |

**2.Bên được triển khai thực hiện sáng kiến (dưới đây gọi là Bên B)**

|  |  |
| --- | --- |
| Đại diện là ông: |  |
| Chức vụ: |  |
| Địa chỉ: |  |
| Điện thoại: |  |
| Số tài khoản: |  |

Hai bên thống nhất nghiệm thu, thanh lý hợp đồng số /HĐ-CĐCN ngày tháng năm 20 .

**Điều 1:** Bên B đã thực hiện đầy đủ các nội dung ghi trong hợp đồng và đã bàn giao sản phẩm cho bên A báo cáo tổng kết (02 bản), báo cáo tóm tắt (02 bản), 01 đĩa CD ghi đầy đủ nội dung báo cáo, đồng thời bàn giao sản phẩm là “Mô hình thực tập Bộ ly hợp ma sát dẫn động điều khiển thủy lực”, cho nhà trường (có biên bản bàn giao). Các sản phẩm đảm bảo chất lượng nội dung và thời gian hoàn thành.

**Điều 2:** Kinh phí, số giờ được tính và phương thưc thanh toán:

- Số tiền quyết toán theo hợp đồng là : đ*(Bằng chữ: ).*

- Số tiền bên A đã tạm ứng cho bên B là: 0đ

- Số tiền bên A phải thanh toán cho bên B sau khi nghiệm thu và thanh lý hợp đồng là: đ*(Bằng chữ: ).*

- Hình thức thanh toán: tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Số giờ được tính cho đề tài là: giờ hành chính

**Điều 3:** Thanh lý hợp đồng

- Hai bên thống nhất nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số /HĐ-CĐCN ngày tháng năm 20 .

- Biên bản nghiệm thu và thanh lý được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN B**  CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **ĐẠI DIỆN BÊN A**  HIỆU TRƯỞNG  *(Ký tên, đóng dấu)* |

***Mẫu 17 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘng hoà xã hỘi chỦ nghĨA viỆt nam**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHIẾU ĐỀ XUẤT**

**ĐỀ TÀI SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG**

**NĂM HỌC 20.... - 20....**

**--------**

**1. Tác giả (nhóm tác giả):**

- Chủ nhiệm (sinh viên chịu trách nhiệm chính):

- Cán bộ hướng dẫn:

**2. Tên đề tài:**

**3. Đặt vấn đề**: *(Nêu xuất xứ của ý tưởng nghiên cứu, mục đích của triển khai nghiên cứu)*

**4. Giải trình tính mới, tính cấp thiết của đề tài**: *Đề tài mới ở chỗ nào? Tại sao phải thực hiện nghiên cứu tại thời điểm hiện nay? Mức độ quan trọng, cấp bách tác động đến phát triển KH&CN, phát triển kinh tế xã hội,....*

**5. Mục tiêu nghiên cứu**: *Ghi rõ các mục tiêu cần nghiên cứu là gì?*

**6. Nội dung nghiên cứu**: *(Nêu rõ phương pháp NC, đối tượng NC, , thời gian và các bước cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã nêu ở phần trên)*

**7. Nhu cầu kinh phí:**

- Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ nguồn NSNN cấp cho Trường: Số tiền .........................đ

- Các nguồn kinh phí khác (nếu có): Số tiền...........................đ

**8. Dự kiến sản phẩm thu được**:

**9. Khả năng ứng dụng kết quả của đề tài**: *Dự kiến địa chỉ ứng dụng cụ thể.*

**10. Hiệu quả mang lại từ kết quả nghiên cứu:**

- Hiệu quả đối với lĩnh vực KHCN:

- Hiệu quả kinh tế xã hội:

*Thái Nguyên, ngày ........ tháng.... ..năm 20……*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác nhận của khoa chuyên môn**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Cán bộ hướng dẫn**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Chủ nhiệm đề tài**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Mẫu 18 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘng hoà xã hỘi chỦ nghĨA viỆt nam**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI**

**SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. TÊN ĐỀ TÀI :** | | | | | | | | | | | **2. MÃ SỐ** | | |
| **3. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tự nhiên |  | Kỹ thuật |  | CNTT |  | | Kinh tế |  | Sở hữu  trí tuệ |  | Giáo dục |  | | ATLĐ |  | KHCB |  | Khác |  | | | | | | | | | | | | **4.LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Cơ  bản | | | Ứng  dụng | | | Triển  khai | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | | |
| **5. THỜI GIAN THỰC HIỆN** ......... **tháng**  Từ tháng … năm ... đến tháng … năm ... | | | | | | | | | | | | | |
| **6. CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  **Họ và tên:**  Ngày tháng năm sinh:  Điện thoại di động:  E-mail: | | | | | | MSSV:  Lớp:  Khóa: | | | | | | | |
| **7. CƠ QUAN CHỦ TRÌ: Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên** | | | | | | | | | | | | | |
| **8. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI** *(cần ghi rõ nhiệm vụ của từng người, kể cả chủ nhiệm đề tài, nhiệm vụ phải phù hợp với nội dung ở Mục 15.2 ; chủ nhiệm phải là người thực hiện những nội dung quan trọng)* | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Họ và tên** | **MSSV, lớp, khóa** | | | | | **Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao** | | | | | **Chữ ký** |
| 1  2  3  4  5 | |  |  | | | | |  | | | | |  |
| **Cán bộ hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài** | | | | | | | | | | | | | |
| **Họ và tên** | | | **Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn** | | | | **Nhiệm vụ** | | | | | | **Chữ ký** |
|  | | |  | | | |  | | | | | |  |
| **9. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH** *(cần ghi rõ tên, địa chỉ liên hệ của đơn vị phối hợp; nội dung phối hợp phải phù hợp với nội dung ở Mục B4; ghi rõ tên, chức vụ của người đại diện; Tốt nhất là có văn bản đồng ý của đơn vị phối hợp do người đại diện ký gửi kèm theo Thuyết minh)* | | | | | | | | | | | | | |
| **Tên đơn vị** | | | **Nội dung phối hợp nghiên cứu** | | | | | | | | | **Họ và tên người đại diện đơn vị** | |
|  | | |  | | | | | | | | |  | |
| **10. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦA ĐỀ TÀI Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC**  10.1. Ngoài nước *(phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình có liên quan ngoài nước và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)*  *- Phải ghi rõ đã có tổ chức khoa học công nghệ hoặc doanh nghiệp nào đã tiến hành nghiên cứu vấn đề tương tự hoặc liên quan chưa, nếu có thì bằng phương pháp, công nghệ nào và kết quả nghiên cứu đã đến mức nào? rút ra kết luận để trả lời câu hỏi về tính cấp thiết đối với đề tài nghiên cứu đăng ký.*  10.2. Trong nước *(phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình có liên quan ở Việt Nam và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)* | | | | | | | | | | | | | |
| **11. TÍNH CẤP THIẾT VÀ TÍNH MỚI CỦA ĐỀ TÀI***(Trên cơ sở tổng quan tình hình NC (hạn chế của các công trình đã có, vấn đề các công trình chưa đề cập đến của phần Tổng quan), nêu sự cần thiết tính cấp bách, ý nghĩalý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)*   1. ***Tính cấp thiết:*** 2. ***Tính mới:*** | | | | | | | | | | | | | |
| **12. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI** *(cần ghi một cách cụ thể, rõ ràng, có thể định lượng hoặc định tính được; có tính khả thi; không viết mục tiêu quá rộng hoặc quá nhiều mục tiêu trong một đề tài)* | | | | | | | | | | | | | |
| **13. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**  **13.1. Đối tượng nghiên cứu***(Nếu không xác định đúng đối tượng nghiên cứu thì không thể thực hiện được đề tài)*  **13.2. Phương pháp nghiên cứu***(Nêu rõ phương pháp nghiên cứu (Điều tra, thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh, …) kỹ thuật sử dụng các phương pháp)*  **13.3. Nội dung nghiên cứu**  *(trình bày dưới dạng đề cương nghiên cứu chi tiết) Xác định những nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logíc, phù hợp cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra.* | | | | | | | | | | | | | |
| **14. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN** | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Các nội dung, công việc**  **thực hiện** | | | **Sản phẩm** | | | | | | **Thời gian**  **(bắt đầu-kết thúc)** | | | **Người thực hiện** |
| 1  2  3 | Ghi rõ các nội dung NC cần thực hiện, nêu những hoạt động (công việc) cần thiết phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài, *là căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí cho đề tài, là căn cứ để kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài; đánh giá mức độ hoàn thành của đề tài khi nghiệm thu.*  Phù hợp với mục B4 | | | Phù hợp với cột (2) | | | | | | Phù hợp với Mục A5. | | | Phù hợp với Mục A8. |
| **15. SẢN PHẨM** (đánh dấu vào bảng phân loại sản phẩm)  15.1. Sản phẩm khoa học  Sách chuyên khảo Bài báo đăng tạp chí nước ngoài  Sách tham khảo Bài báo đăng tạp chí trong nước  Giáo trình Bài đăng kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế  15.2. Sản phẩm đào tạo  Nghiên cứu sinh Cao học Đại học  15.3. Sản phẩm ứng dụng   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thiết bị máy móc |  | Đề án |  | Chương trình máy tính |  | | Qui trình công nghệ |  | Bản quy hoạch |  | Báo cáo phân tích |  | | Tiêu chuẩn kỹ thuật |  | Mẫu vật, sản phẩm |  | Bản kiến nghị |  | | Dây chuyền công nghệ |  | Phương pháp |  | Bản phân tích số liệu |  |   15.4. Các sản phẩm khác: (*không thuộc các loại sản phẩm nêu trên, ghi cụ thể*)  15.5. Tên sản phẩm, số lượng và yêu cầu khoa học đối với sản phẩm | | | | | | | | | | | | | |
| Stt | Tên sản phẩm | | | | Số lượng | | | | Yêu cầu khoa học | | | | |
| 1  2  3 | *Ghi rõ tên từng sản phẩm về khoa học, đào tạo, ứng dụng, sản phẩm khác với các đặc tính (chỉ tiêu) cơ bản cần đạt được.*  *Không nên đồng nhất Báo cáo tổng kết đề tài với sản phẩm của đề tài.*  *- Quy trình CN …, mẫu …*  *- Bản kiến nghị về …:*  *- Bài báo: có minh chứng được công bố.*  *- Đào tạo: có minh chứng đã bảo vệ thành công* | | | |  | | | |  | | | | |
| **16. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐÓNG GÓP**  1. Về khoa học và đào tạo:  2. Về phát triển kinh tế:  3. Về xã hội:  4. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu: | | | | | | | | | | | | | |
| **17. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG**   1. Phương thức chuyển giao: 2. Địa chỉ ứng dụng:   Ví dụ:   * *Tại Bộ môn* * *Các đơn vị khác trong trường có nhu cầu sử dụng kết quả* * *Các đơn vị ngoài trường* | | | | | | | | | | | | | |
| **18. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**  **Tổng kinh phí:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Nguồn kinh phí cấp | Tổng cộng | Phân cho các năm | | | Kinh phí từ trường |  | 20… | 20… | |  |  |   Trong đó dự toán thực hiện đề tài là: ………………đ, các khoản được hỗ trợ khác từ trường là: ………………đ  Bảng dự toán và phân tích kinh phí thực hiện đề tài (Chủ nhiệm đề tài ghi chi tiết)   * 1. Khoản 1: Thuê khoán chuyên môn:   2. Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng:   3. Khoản 3: Thiết bị máy móc chuyên dùng:   4. Khoản 4: Xây dựng, sữa chữa nhỏ:   5. Khoản 5: Chi khác:   Dự trù kinh phí theo các mục chi *(phù hợp với nội dung nghiên cứu ở Mục B4)*  *Đơn vị tính: VN đồng* | | | | | | | | | | | | | |

*Thái Nguyên, ngày ...... tháng ...... năm 20......*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TRƯỞNG KHOA  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | CÁN BỘ HƯỚNG DẪN  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
|  |  |  |
|  | HIỆU TRƯỞNG  *(Ký tên, đóng dấu)* |  |

***Mẫu 19 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP**  **THÁI NGUYÊN**  Số: /HĐ-CĐCN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *Thái Nguyên, ngày tháng năm 20* |

**HỢP ĐỒNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

**SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

Căn cứ Quyết định số 5618/QĐ-BGD&ĐT ngày 09 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-BCN ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 quy định về việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2016/TT-BCT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 quy định về việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương.

Căn cứ Quyết định số QĐ-CĐCN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên về việc triển khai thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp trường năm học 20 - 20 ;

Chúng tôi gồm:

**1. Bên giao nhiệm vụ triển khai đề tài KHCN (dưới đây gọi là Bên A)**

|  |  |
| --- | --- |
| Đại diện là ông (bà): |  |
| Chức vụ: |  |
| Địa chỉ: | Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên. |
| Điện thoại: | 02083.844142 |
| Số tài khoản: | **9523.1.105.4184; 3714.0.105418400000**  Tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên |

**2. Bên được triển khai thực hiện đề tài KHCN (dưới đây gọi là Bên B)**

1. Ông/Bà:

MSSV, lớp, khóa:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Điện thoại liên lạc:

Email:

2. Cán Bộ hướng dẫn khoa học

Ông/Bà:

Đơn vị công tác:

Cùng thoả thuận và thống nhất ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các nội dung như sau:

**Điều 1. Trách nhiệm và quyền của Bên A**

1. Thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu và tổ chức kiểm tra tình hình bên B thực hiện Hợp đồng theo các nội dung, tiến độ nêu trong Thuyết minh đề tài.

2. Chuyển cho bên B số kinh phí thực hiện Hợp đồng nêu tại Điều 2 theo quy định hiện hành về cấp phát kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

3. Tổ chức kiểm tra giữa kỳ và đánh giá nghiệm thu cấp Trường kết quả thực hiện đề tài và thanh lý Hợp đồng với Bên B theo các quy định hiện hành.

4. Kịp thời xem xét, giải quyết các kiến nghị của bên B khi có phát sinh.

5. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thu hồi kinh phí đã cấp theo quy định trong các trường hợp sau:

- Bên B không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng hoặc cố tình dây dưa không thực hiện Hợp đồng và không báo cáo khi được bên A yêu cầu.

- Thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu nêu trong Thuyết minh và Hợp đồng; sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

**Điều 2. Trách nhiệm và quyền của bên B**

1. Bên B cam kết thực hiện đề tài: “**........................**”, mã số: <ĐT > theo các yêu cầu về nội dung, tiến độ thực hiện và dự toán kinh phí được nêu trong Thuyết minh đề tài đã được duyệt.

2. Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng; gửi báo cáo giữa kỳ và báo cáo đột xuất và các mẫu biểu tại Quy định quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp trường của Hiệu trưởng trường cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên.

3. Hoàn thành các thủ tục nghiệm thu cấp trường, thanh quyết toán tài chính theo tiến độ và nộp Báo cáo tổng kết sáng kiến, đĩa CD về phòng Đào tạo, nghiên cứu khoa học và Hợp tác Quốc tế theo quy định.

4. Báo cáo kịp thời với bên A các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện sáng kiến và đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cần thiết để bên A xem xét, giải quyết.

**Điều 3. Kinh phí và thời gian thực hiện hợp đồng**

1. Kinh phí cấp từ Ngân sách Nhà nước để thực hiện Hợp đồng là: đ *(Bằng chữ:......)*

2. Thời gian thực hiện hợp đồng là: tháng; từ tháng năm 20 đến ngày tháng năm 20 .

**Điều 4. Điều chỉnh, bổ sung nội dung Hợp đồng**

Trong trường hợp kiến nghị liên quan đến đề tài của bên B được bên A xem xét, giải quyết thì văn bản trả lời/chấp thuận của bên A sẽ là bộ phận của Hợp đồng làm căn cứ xem xét khi nghiệm thu đề tài.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu có yêu cầu cần thay đổi, hoặc có vi phạm Hợp đồng, hai bên sẽ thoả thuận để giải quyết.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 04 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện Bên A**  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN**  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)* | **Đại diện Bên B**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Mẫu 20 - KHCN***

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **TRƯỜNG CĐCN THÁI NGUYÊN** | **CỘng hoà xã hỘi chỦ nghĨA viỆt nam**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO NCKH CỦA SINH VIÊN**

**TẠI HỘI NGHỊ CẤP KHOA/TRƯỜNG.**

Tên đề tài:.........................................................................................................................................

……………………………………………………………………………………………………..

Sinh viên thực hiện:..........................................................................................................................

Lớp:..................Khoa: .....................................................................................................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| **1** | **Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài** | **15** |  |
| 1.1 | Tổng quan các vấn đề nghiên cứu trong và ngoài nước | *5* |  |
| 1.2 | Có phân tích, đánh giá và chỉ ra những tồn tại chưa được giải quyết | *5* |  |
| 1.4 | Nêu được lý do lựa chọn đề tài | *5* |  |
| **2** | **Ý tưởng của đề tài và cách tiếp cận** | **15** |  |
| 2.1 | Ý tưởng của đề tài: có tính mới về khoa học, có ý nghĩa về thực tiễn ứng dụng... | 10 |  |
| 2.2 | Cách tiếp cận: có tính khoa học, tính sáng tạo... | *5* |  |
| **3** | **Mục tiêu đề tài** | **10** |  |
| 3.1 | Tính rõ ràng, cụ thể... | *5* |  |
| 3.2 | Phù hợp với tên và nội dung nghiên cứu của đề tài | *5* |  |
| **4** | **Phương pháp nghiên cứu** | **10** |  |
| 4.1 | Tính đầy đủ, phù hợp với nội dung nghiên cứu | *5* |  |
| 4.2 | Tính rõ ràng, đúng đắn, hiện đại của các phương pháp nghiên cứu được sử dụng | *5* |  |
| **5** | **Kết quả nghiên cứu** | **40** |  |
| 5.1 | Kết quả nghiên cứu so với các nội dung nghiên cứu thực hiện | 10 |  |
| 5.2 | Bàn luận, phân tích ý nghĩa của các kết quả nghiên cứu phục vụ mục tiêu đề tài | 15 |  |
| 5.3 | Sự hoàn chỉnh trong kết quả nghiên cứu để giải quyết mục tiêu đề tài đặt ra | 10 |  |
| 5.4 | Khả năng vận dụng kết quả nghiên cứu trong nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn, ưu tiên đề tài đã được triển khai ứng dụng trong thực tiễn | 5 |  |
| **6** | **Hình thức trình bày báo cáo** | 8 |  |
| 6.1 | Bố cục, logic hợp lý... | 1 |  |
| 6.2 | Nội dung đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của một báo cáo tổng kết đề tài | 2 |  |
| 6.3 | Khả năng diễn đạt… | 5 |  |
| **7** | **Công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu của đề tài trên các tạp chí khoa học trong nước**  Đã công bố bài báo | **2** |  |
|  | **Cộng** | 100 |  |

*Ghi chú*: Xếp loại (theo điểm trung bình cuối cùng): Xuất sắc: 90-100 điểm; Tốt: 80-89 điểm;

Khá: 70-79 điểm; Đạt: 50-69 điểm; Không đạt: < 50 điểm

**Ý kiến và kiến nghị khác:**

………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………

*Ngày tháng năm 20….*

**Người đánh giá**